

ỨNG XỬ CỦA HỘ NÔNG DÂN MIỀN NÚI PHÍA BẮC VỚI RÉT ĐẬM, RÉT HẠI: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở NÀN SÁN, SI MA CAI, LÀO CAI

Trần Đình Thao¹, Nguyễn Thị Minh Thu^{1*}, Thèn Văn Trai²

¹*Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Sinh viên khóa 55, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email*: ntmthu@vnua.edu.vn

Ngày gửi bài: 18.06.2014

Ngày chấp nhận: 01.09.2014

TÓM TẮT

Ứng xử của hộ nông dân miền núi phía Bắc Việt Nam với rét đậm rét hại tập trung vào khai thác tối đa nguồn nhân lực của hộ và tối thiểu chi tiêu. Trong trồng trọt, chủ yếu các hộ nông dân thực hiện thay đổi thời vụ gieo trồng hơn là thay đổi giống và hệ thống cây trồng. Trong chăn nuôi, đa số hộ nông dân đã thực hiện dự trữ thức ăn chăn nuôi, che chắn và gia cố chuồng trại. Công tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trước, trong và sau rét đã được các hộ thực hiện. Giải pháp nâng cao khả năng ứng xử của hộ nông dân với rét đậm, rét hại hướng vào: Nâng cao nhận thức của người dân về rét đậm rét hại; Hỗ trợ kiên cố hóa nhà cửa và các vật dụng phòng chống rét; Tập huấn cách phòng chống rét trên người, cây trồng và vật nuôi; Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác dự báo, cảnh báo thiên tai; Kiên cố hóa các nhà cộng đồng để làm điểm tránh rét cho người dân; Tập trung xây dựng hạ tầng cơ sở theo hướng thích ứng với rét đậm, rét hại; Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách phòng chống rét đậm, rét hại.

Từ khóa: Ứng xử, rét đậm, rét hại, miền núi, ứng xử của hộ với rét đậm và rét hại.

Behaviors of Farmer Households to Chilling Cold and Biting Cold in The Northern Mountainous Region of Vietnam: Case Study in Nan San, Si Ma Cai, Lao Cai

ABSTRACT

Behaviors of farmer households in the northern mountainous region of Vietnam to chilling cold, biting cold focus on maximum exploitation of households' human resources and minimum expenses. In cultivation, farmer households mainly change planting seasons rather than variety and cropping systems. In animal husbandry, most of them reserve feed, shield and consolidate breeding facilities. They interdepend and help each other before, during and after biting cold and chilling cold. Solutions to raise households' ability to behave towards biting cold and chilling cold aims at: Enhance inhabitants' awareness of biting cold and chilling cold; Support them to consolidate houses and cold - prevention tools; Train them ways to prevent cold on humans, crops and animals; Complete and boost natural disasters prediction and warning; Consolidate public constructions to be cold - prevention venues for people; Concentrate on building infrastructure adapting to biting cold and chilling cold; Continue to complete policy mechanisms for biting cold and chilling cold prevention.

Keywords: Behaviors, chilling cold, biting cold, mountainous region, behaviors of farmer households to chilling cold and biting cold

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu gắn liền với các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu. Rét đậm, rét hại là một dạng thời tiết cực đoan phổ biến ở miền núi phía Bắc Việt Nam vào mùa lạnh. Hiện nay, xác định hiện tượng rét đậm, rét hại dựa vào nhiệt độ trung

bình ngày: rét đậm $T_{tb}^1 \leq 15^\circ\text{C}$, rét hại $T_{tb} \leq 13^\circ\text{C}$ (Vũ Thanh Hằng và cs., 2010).

Nàn Sán là một xã nghèo của huyện miền núi Si Ma Cai, ở phía đông bắc của tỉnh Lào Cai. Nàn Sán nằm ở độ cao trên 1.000m so với mực

¹ Ttb: Nhiệt độ trung bình ngày

nước biển, địa hình hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt, tập trung nhiều dân tộc thiểu số như Nùng, H'mông, Thu Lao. Trong những năm qua, Nàn Sán đã phải chịu nhiều đợt rét đậm, rét hại kéo dài, gây thiệt hại từ 6-9 tỷ đồng mỗi năm, đặc biệt là thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do vật nuôi bị chết rét, cây trồng bị mất trắng (báo cáo tổng kết kinh tế xã hội xã Nàn Sán, 2011-2013). Trước những diễn biến như vậy tại địa phương: Hộ nông dân ứng xử như thế nào với rét đậm, rét hại trong bảo vệ tính mạng và tài sản, trong sản xuất nông nghiệp và trong quan hệ cộng đồng? Yếu tố nào ảnh hưởng tới ứng xử của hộ nông dân với rét đậm rét hại? Giải pháp nào giúp các hộ nông dân phòng tránh và đối mặt để giảm thiểu mức độ thiệt hại do rét đậm rét hại gây ra, góp phần vào việc ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế?

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiếp cận phân tích, đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với rủi ro thiên tai - VCA (Vulnerability and Capacity Assessment and Analysis) được sử dụng để làm rõ năng lực ứng phó với rủi ro thiên tai nói chung và rét đậm, rét hại nói riêng.

Ở cấp hộ:

Chọn 03 thôn (đội 1, đội 2 và Sảng Chải 5) có khoảng cách xa nhau để điều tra. Các hộ điều tra bao gồm: (i) Theo hộ nghèo, cận nghèo và không nghèo; (ii) Theo các dân tộc chính là Nùng, H'mông và Thu Lao; (iii) Theo vùng cư trú.

Ở cấp cộng đồng:

Tham vấn cán bộ cấp thôn bản và cán bộ cấp xã về thiệt hại, hỗ trợ quản lý rủi ro đối với rét đậm, rét hại và ứng xử của hộ nông dân trong quan hệ cộng đồng trước - trong - sau rét đậm, rét hại.

Bảng 1. Đặc điểm của các điểm nghiên cứu ở Nàn Sán, Si Ma Cai, Lào Cai

Điểm nghiên cứu	Thiệt hại	Địa hình	Dân tộc chính	Sản xuất chủ đạo	
				Trồng trọt	Chăn nuôi
Đội 1	Thiệt hại nặng do rét đậm, rét hại	Không quá cao, đi lại dễ dàng	Nùng	X	X
Đội 2			Thu Lao	X	
Sang Chải 5		Núi cao, đi lại khó khăn	H'mông		X

Nguồn: Kết quả tham vấn cán bộ cộng đồng và người dân

Bảng 2. Lựa chọn cán bộ tham vấn ở Nàn Sán - Si Ma Cai - Lào Cai

Phân cấp	Số lượng cán bộ chọn tham vấn
1. Cấp thôn bản	
Đội 1	01 Trưởng thôn bản
Đội 2	01 Trưởng thôn bản
Sang Chải 5	01 Trưởng thôn bản
2. Cấp xã	
	01 cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội
	01 cán bộ phụ trách Nông nghiệp
Tổng	05 cán bộ

Nguồn: Kết quả lựa chọn tham vấn điều tra

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình rét đậm, rét hại ở Nàn Sán

Xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai thường xuyên phải hứng chịu nhiều đợt rét đậm, rét hại, với nhiệt độ thấp nhất từ 2-4°C. Hàng năm, ở đây hứng chịu 2-3 đợt rét với thời gian kéo dài. Năm 2012, số đợt rét đậm, rét hại diễn ra ít hơn, song có đợt rét kéo dài 41 ngày gây ảnh hưởng nghiêm trọng về người, tài sản và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đây cũng là năm địa phương bị thiệt hại lớn nhất về rét trong 15 năm qua. Rõ ràng, tần suất xuất hiện rét đậm, rét hại ở xã Nàn Sán là khá cao, trung bình 2-3 lần/năm. Thời điểm xuất hiện rét đậm, rét hại rất khác nhau trong các năm, nó cho thấy sự bất thường của hiện tượng thời tiết cực

đoạn ở miền núi phía Bắc (Báo cáo tình hình thiên tai của huyện Si Ma Cai, 2011-2013).

3.2. Thiệt hại do rét đậm, rét hại ở Nàn Sán

Với diễn biến thất thường của rét đậm, rét hại tại địa phương, số người bị thương và bị ốm do lạnh tăng lên với tốc độ tăng trưởng bình quân/năm là 12,33%. Tuy nhiên, cho tới nay, thiệt hại chết người do rét đậm, rét hại gây ra ở Nàn Sán là chưa có. Rét đậm, rét hại là nguyên nhân gây ra một số bệnh như cúm, tiêu chảy mùa đông, bệnh về da, cước chân tay, đau đầu, trầm cảm, đặc biệt là người già và trẻ nhỏ (Phương Trang, 2013). Tại địa phương, trường học ở xa nên học sinh thường xuyên phải đi bộ khoảng 3-5km để tới trường. Do vậy, rét đậm, rét hại ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe và việc học tập của các em.

Bảng 3. Tình hình rét đậm, rét hại tại Nàn Sán giai đoạn 2011-2013

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm		
		2011	2012	2013
Tần số xuất hiện	lần	3	2	2
Tổng thời gian rét đậm, rét hại	ngày	52	59	46
Nhiệt độ xuống thấp nhất	°C	4	2	3
Đợt rét đậm rét hại dài nhất	ngày/đợt	20	41	32
Đợt rét đậm rét hại ngắn nhất	ngày/đợt	15	18	14
Thời gian rét đậm rét hại/đợt	ngày/đợt	17,3	29,5	23,0

Nguồn: UBND xã Nàn Sán, 2014

Bảng 4. Thiệt hại do rét đậm, rét hại trên địa bàn Nàn Sán giai đoạn 2011-2013

Thiệt hại	ĐVT	Năm			Tốc độ phát triển (%)		
		2011	2012	2013	2012/2011	2013/2012	BQ
1. Người	người	257	374	296	145,53	79,14	112,33
- Bị thương	người	4	9	2	225,00	22,22	123,61
- Bị ốm do lạnh	người	253	365	294	144,27	80,55	112,41
2. Diện tích gieo trồng bị mất trắng	ha	50,6	64,2	43,3	126,78	67,50	97,14
3. Số lượng vật nuôi chết	con	1952	2511	2113	128,64	84,15	106,39
4. Số lượng thủy sản chết	kg	1560	2800	2250	179,49	80,36	129,92
5. Nhà*	cái	7	13	9	185,71	69,23	127,47
Tổng giá trị thiệt hại	tr.đ	6563,53	9075,39	5781,09	138,27	63,70	100,99

Nguồn: Báo cáo tổng kết kinh tế-xã hội xã Nàn Sán, 2011-2013

Ghi chú: *Nhà chỉ tính nhà bị sập và hư hỏng nặng

Thiệt hại về nhà giai đoạn 2011-2013, số lượng nhà sập và hư hỏng nặng thường dao động từ 7-13 nhà/năm, tốc độ biến động tăng bình quân 27,47%/năm. Trong những thời điểm rét đậm, rét hại, phần lớn nhà của người dân đều ở trạng thái ẩm ướt nặng. Do nhà ở đây được làm theo kiểu truyền thống là nhà trình tường. Vì thế, tường và nền nhà được làm hoàn toàn bằng đất chưa qua xử lý nhiệt. Rét kèm theo mưa phùn kéo dài và băng tuyết đã ảnh hưởng đến mái, tường và nền nhà của các hộ dân ở đây. Hiện tượng nhà bị ẩm ướt, mốc đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sinh hoạt và đời sống của các hộ nông dân; đặc biệt là sức khỏe của con người và công tác bảo quản, dự trữ nông sản (Văn Duẩn và Ngọc Dung, 2013). Bên cạnh đó, các tài sản, vật dụng là đồ điện, điện tử cũng rất dễ bị hư hỏng.

Ước tính giá trị thiệt hại do rét đậm, rét hại trên toàn địa bàn trong 3 năm gần đây xung quanh giá trị 5-9 tỷ đồng/năm và thiệt hại bình quân/hộ/năm khoảng 6,4-12,2 triệu đồng (báo cáo tổng kết kinh tế xã hội xã Nàn Sán, 2011-2013). Rõ ràng với một địa phương

nghèo như Nàn Sán thì đây là những con số rất đáng lưu tâm.

Lạnh kèm theo mưa phùn, sương muối làm cho ẩm độ tăng cao. Thời tiết lại thay đổi thất thường mỗi khi có các đợt gió mùa đông bắc tràn về, hoặc khi giao mùa. Đó là điều kiện thuận lợi cho nhiều loại bệnh trên vật nuôi phát sinh và lây lan mạnh (Văn Duẩn và Ngọc Dung, 2013). Ở mức độ nặng hơn, rét đậm rét hại còn khiến cây trồng và vật nuôi chết hàng loạt. Năm 2012 bị thiệt hại cao nhất, 64,15ha diện tích gieo trồng bị hư hỏng nặng, mất trắng, tăng 126,78%. Cũng trong năm 2012, 2.511 vật nuôi bị chết và thủy sản bị thiệt hại hơn 2,8 tấn. So với năm 2011, mức độ thiệt hại trong chăn nuôi của năm 2012 tăng nhanh. Các đợt rét kéo dài, nhiệt độ xuống thấp, ẩm ướt làm xuất hiện các bệnh dịch trên vật nuôi. Năm 2013 có hơn 2.113 con gia súc, gia cầm bị chết và hơn 2,2 tấn thủy sản bị thiệt hại (Thần Văn Trai, 2014). Thiệt hại về vật nuôi của năm 2013 có phần giảm so với 2011-2012 là do người dân đã phần nào ý thức được tác hại của rét đậm, rét hại và bước đầu đã có biện pháp phòng tránh, khắc phục rét.

Bảng 5. Thiệt hại về trồng trọt do rét đậm, rét hại gây ra đối với các hộ điều tra

TT	Thiệt hại	Tỷ lệ hộ canh tác bị thiệt hại (%)	Diện tích thiệt hại/hộ (m ² /hộ)	Giá trị thiệt hại/hộ bị thiệt hại (nghìn đồng)
1	Ngô	93,33	1.404,1	2.008
2	Đậu tương	78,33	633,8	1467
3	Thuốc lá	100,00	736,0	2072
4	Cây ăn quả	36,67	251,4	956
	BQ/hộ*	-	2.443,5	5.243

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

Ghi chú: * Tính bình quân/hộ theo tổng mẫu điều tra (n = 60)

Bảng 6. Thiệt hại về chăn nuôi do rét đậm, rét hại gây ra đối với các hộ điều tra

TT	Thiệt hại	Tỷ lệ hộ nuôi bị thiệt hại (%)	SL thiệt vật nuôi thiệt hại/hộ bị thiệt hại	Giá trị thiệt hại/hộ bị thiệt hại (nghìn đồng)
1	Trâu, bò (con)	45,00	1,26	21.760
2	Lợn (con)	68,33	1,90	975
3	Gia cầm (con)	86,67	15,94	1958
4	Thủy sản (kg)	10,00	56,77	1416
	BQ/hộ *	-	-	3.595

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

Ghi chú: * Tính bình quân/hộ theo tổng mẫu điều tra (n = 60)

Rét đậm, rét hại đã gây ra thiệt hại chung về chăn nuôi là trên 3,5 triệu đồng/hộ (năm 2013). Trên địa bàn, Sảng Chải 5 là thôn bị tổn thất nhiều nhất với tổng giá trị thiệt hại về vật nuôi ước tính trên 500 triệu đồng (năm 2013). Do người H'mông sinh sống trên núi cao, mật độ dân cư thưa, phương thức chăn nuôi tại đây chủ yếu là thả rông, chuồng trại chăn nuôi của các hộ đa phần là chuồng tạm và hạn chế về nước sinh hoạt trong mùa đông. Vì vậy, tổn thất chăn nuôi của các hộ nông dân do rét đậm, rét hại là cao nhất.

3.3. Nhận thức về rét đậm, rét hại của hộ nông dân Nàn Sán

Nhận thức về rét đậm, rét hại sẽ giúp các hộ nông dân có ứng xử tốt hơn. Kinh nghiệm bản địa là nguồn cung cấp thông tin chủ yếu để thay đổi nhận thức của hộ nông dân ở Nàn Sán về rét đậm, rét hại (86,67% số hộ). Bên cạnh đó, tivi và đài cũng là một nguồn cung cấp các thông tin hữu ích cho hộ nông dân (chiếm 43,33% số hộ tiếp nhận thông tin từ nguồn này). Các nguồn thông tin khác còn rất hạn chế: Truyền thanh địa phương chiếm 28,33% và tuyên truyền trực tiếp của chính quyền địa phương chỉ chiếm 18,33%. Hiện tại, tivi và đài là một nguồn cung cấp thông tin quan trọng, ngày càng được người dân Nàn Sán quan tâm. Các hộ đã chú ý tới bản tin dự báo thời tiết, tình hình rét đậm, rét hại và cách phòng tránh rét

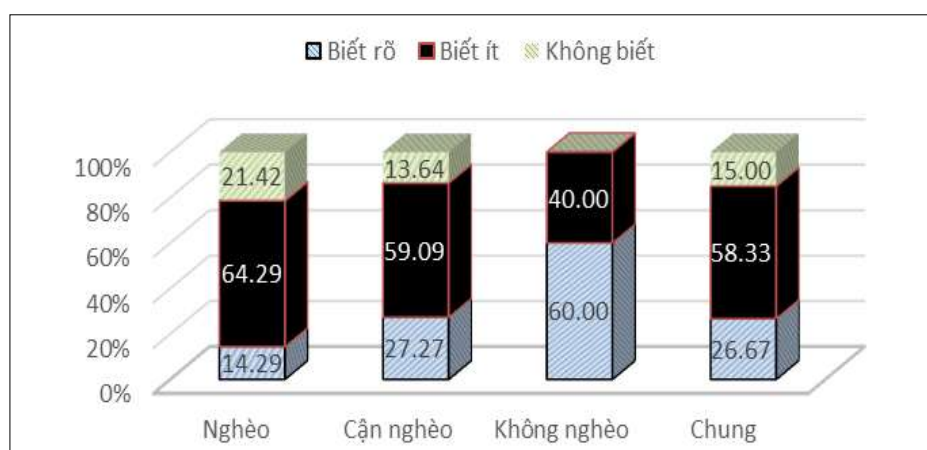
cho người, cây trồng và vật nuôi. Công tác tuyên truyền nói chung và truyền thông về rét đậm, rét hại nói riêng tại các thôn nghiên cứu điểm chưa thực sự hiệu quả. Đó là do các hộ dân thiếu số sống dải rác, địa hình đồi núi nên công tác truyền thông bị giới hạn.

Tỷ lệ hộ nông dân hiểu đúng về rét đậm, rét hại rất thấp, chỉ có 3,33% trong tổng số hộ được hỏi, còn lại 96,67% chỉ biết đó là những đợt rét kéo dài (Thèn Văn Trai, 2014). Điều này có ảnh hưởng lớn đối với công tác phòng và chống rét đậm, rét hại của các hộ nông dân. Vì thế, cần tăng cường công tác truyền thông, cảnh báo về rét đậm, rét hại để nâng cao nhận thức, giúp người dân có biện pháp phòng tránh, giảm thiểu được thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với con người và sản xuất của hộ.

3.4. Ứng xử của hộ nông dân Nàn Sán với rét đậm, rét hại

3.4.1. Trong bảo vệ tính mạng và tài sản

Phần lớn các hộ không có nhu cầu di chuyển tránh rét (83,33% số hộ). Chỉ có 25% số hộ nghèo và 13,46% số hộ cận nghèo muốn di chuyển tránh rét. Các hộ muốn di chuyển tránh rét chủ yếu là người H'mông có nhà tạm trên núi. Tuy nhiên, họ chỉ muốn di chuyển để tránh rét, hết rét họ lại muốn được quay về nhà cũ ở trên núi cao. Một số hộ đã mua phương tiện chống rét như chăn, đệm, quần áo ấm, quần áo mưa, bạt,



Đồ thị 1. Mức độ nhận biết của hộ nông dân Nàn Sán về tác hại của rét đậm, rét hại

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

Bảng 7. Ứng xử trong bảo vệ tính mạng, tài sản của hộ phân theo điều kiện kinh tế

Biện pháp	Hộ nghèo (n=28)		Hộ cận nghèo (n=22)		Hộ không nghèo (n=10)		Chung (n=60)	
	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)
1. Di chuyển tránh rét	7	25,00	3	13,64	0	0,00	10	16,67
2. Mua phương tiện chống rét	6	21,43	9	40,91	6	60,00	21	35,00
3. Xây dựng gác cao, kho để chứa đồ, lương thực, thực phẩm cho người và thức ăn chăn nuôi	23	82,14	18	81,82	10	100,00	51	85,00
4. Tích trữ lương thực	28	100,00	22	100,00	10	100,00	60	100,00
5. Chuẩn bị các loại thuốc	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6. Sử dụng phương tiện liên lạc	12	42,86	14	63,64	8	80,00	34	56,67

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

nilon. Tuy nhiên, tỉ lệ này ở các nhóm hộ là không đồng đều. Nhóm hộ không nghèo có tỷ lệ cao nhất với 60%, sau đó là nhóm hộ cận nghèo với 40,91% và thấp nhất là nhóm hộ nghèo với 21,43%. Qua đây cho thấy sự chuẩn bị các phương tiện phòng chống rét đậm, rét hại ở nhóm hộ nghèo còn rất hạn chế. Nguyên nhân chính là do điều kiện kinh tế khó khăn nên không thể mua đầy đủ các phương tiện chống rét cho gia đình. Vì thế, những hỗ trợ về phương tiện chống rét cho hộ nghèo như quần áo mưa, vải bạt, vải nilon, muối... là rất cần thiết.

Do đặc thù về nhà ở phổ biến là nhà trình tường nên 85% số hộ ở đây đã làm gác và kho chứa đồ để bảo quản lương thực thực phẩm, cũng như đồ dùng của hộ. Trước mùa đông, các hộ đều tích trữ lương thực để tránh tình trạng đói khi rét kéo dài không đi làm được (Thần Văn Trai, 2014). Trong và sau những đợt rét đậm rét hại, do độ ẩm môi trường cao, thời tiết thay đổi thất thường dễ gây ra các bệnh, dịch bệnh. Tuy nhiên, dự phòng về thuốc ở hộ để chăm lo sức khỏe là chưa có. Các hộ dân đã tự đúc rút kinh nghiệm trong phòng chống rét bằng những biện pháp phổ biến sau: Đi lấy củi, lá cọ, đốt than hoa, trũ rơm rạ, mua muối, mì chính, quần áo mưa, nilon và bạt... (Thần Văn Trai, 2014). Rõ ràng, với ràng buộc về điều kiện kinh tế, địa lý và tính dân tộc, những biện pháp mang tính truyền thống đó lại rất hữu ích đối với người dân nơi đây trong ứng xử với rét đậm rét hại.

Chính quyền địa phương cần kết hợp với y tế và các bên có liên quan (thanh niên, phụ nữ,

nông dân...) hướng dẫn bà con biện pháp ứng phó tích cực trước - trong - sau rét đậm, rét hại nhằm hạn chế ảnh hưởng của nó tới người dân, đặc biệt là sức khỏe người già và trẻ em. Bên cạnh đó, cần tổng kết những ứng xử của hộ với rét đậm rét hại mang đặc thù kinh nghiệm bản địa để phổ biến rộng rãi trong cộng đồng.

3.4.2. Trong bảo vệ sản xuất

Ứng xử trong bảo vệ sản xuất của các nhóm hộ được xem xét trên các khía cạnh là ứng xử trong phòng tránh và khắc phục rét đậm, rét hại.

Trong trồng trọt, thay đổi giống và hệ thống cây trồng phù hợp là việc sử dụng các loại giống ngắn ngày, có sức chống chịu rét và thay đổi công thức luân canh ở các nông hộ. Tuy nhiên, tỷ lệ thay đổi giống cây trồng ở các hộ còn rất hạn chế: Khoảng 70% các hộ nông dân ở Nàn Sán chưa thay đổi giống cũng như hệ thống cây trồng, đặc biệt là hộ nghèo và cận nghèo. Thực tế, kinh tế khó khăn, ruộng và nương bậc thang, không có giao thông nội đồng, tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào thiểu số, thói quen sử dụng các giống địa phương nên rất chậm thay đổi công thức luân canh. Chính những yếu điểm đó nên rất khó đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp. Thực tế mới chỉ có 10% số hộ ở Nàn Sán có sử dụng cơ giới hóa trong khâu làm đất để đẩy nhanh mùa vụ gieo trồng tiếp theo nhằm tránh rét lúc cây con và thu hoạch trước rét đậm, rét hại. Phòng tránh rét đậm, rét hại của hộ nông dân Nàn Sán trong trồng trọt thiên về thay đổi thời vụ gieo trồng hơn là thay đổi giống, hệ thống cây trồng.

Bảng 8. Phòng tránh rét đậm, rét hại trong sản xuất nông nghiệp của hộ phân theo điều kiện kinh tế

Biện pháp	Hộ nghèo (n=28)		Hộ cận nghèo (n=22)		Hộ không nghèo (n=10)		Chung (n=60)	
	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)
1. Thay đổi giống (rút ngắn thời gian sản xuất, chịu rét)	4	14,29	6	27,27	7	70,00	17	28,33
2. Thay đổi hệ thống cây trồng	3	10,71	6	27,27	7	70,00	16	26,67
3. Áp dụng cơ giới vào sản xuất	1	3,57	2	9,09	3	30,00	6	10,00
4. Bố trí vật nuôi cho thu hoạch trước rét đậm, rét hại	2	7,14	5	22,73	4	40,00	11	18,33
5. Tiêm phòng cho vật nuôi	3	10,71	3	13,64	8	80,00	14	23,33
6. Dự trữ thức ăn chăn nuôi	17	60,71	14	63,64	8	80,00	39	65,00
7. Gia cố và che chắn chuồng trại	11	39,29	14	63,64	8	80,00	33	55,00
8. Di chuyển đại gia súc xuống khu vực thấp khi có rét đậm, rét hại	9	32,14	10	45,45	10	100,00	29	48,33
9. Gửi tiết kiệm	0	0,00	0	0,00	3	30,00	3	5,00
10. Vay vốn để đẩy nhanh sản xuất	2	7,14	4	18,18	1	10,00	7	11,67
11. Đa dạng cây trồng, vật nuôi	9	32,14	8	36,36	6	60,00	23	38,33

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

Trong chăn nuôi, dự trữ thức ăn chăn nuôi, che chắn và gia cố chuồng trại là những biện pháp được các hộ nông dân ở Nàn Sán quan tâm nhiều nhất, với tỷ lệ trên 50%. Đặc thù là vùng cao và người thiểu số nên chăn nuôi đại gia súc chủ yếu theo tập quán thả rông trên đồi núi. Tuy nhiên, khi có rét đậm rét hại, 48,33% số hộ ở Nàn Sán đã di chuyển trâu bò từ trên núi cao xuống vùng thấp để tránh rét. Cũng chính cách ứng phó này đã góp phần giảm bớt thiệt hại do nó gây ra cho chăn nuôi đại gia súc. Các hộ kinh tế khó khăn, chưa có điều kiện xây dựng chuồng trại cho rằng di chuyển trâu bò từ trên núi cao xuống vùng thấp khi có rét đậm, rét hại là cách ứng phó rất hữu ích ở cấp độ hộ. Theo đó, hộ vừa giảm được tỷ lệ chết rét ở trâu bò, vừa hạn chế rủi ro về người do không phải lên núi cao thăm trâu bò của gia đình trong điều kiện thời tiết giá rét, ẩm ướt, đóng băng và trơn trượt. Ứng phó bằng việc lựa chọn gia súc, gia cầm, thủy sản sao cho thời điểm thu hoạch trước khi có rét đậm, rét hại của các hộ là rất thấp, với tỷ lệ 18,33% trong tổng số hộ; Riêng ở nhóm hộ nghèo, cận nghèo và không nghèo lần lượt là 7,14%, 22,73%, 40%. Ở đây, các hộ dân chủ yếu chăn nuôi quảng canh quy mô nhỏ, hầu hết nuôi

với mục đích tận dụng, chưa có chăn nuôi theo phương thức thâm canh, quy mô lớn. Một điều rất đáng quan tâm đó là, mới chỉ có 23,33% số hộ điều tra tiêm phòng cho vật nuôi. Hạn chế trong công tác tiêm phòng cho vật nuôi, kết hợp với thời tiết giá rét kéo dài, khí hậu ẩm ướt và mưa phùn đã làm giảm khả năng chống chịu của vật nuôi và gây ra thiệt hại rất lớn cho chăn nuôi của các hộ, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc, gia súc và gia cầm.

Về lý thuyết, để đẩy nhanh quá trình sản xuất nhằm tránh thiên tai, các hộ thường sử dụng tiền tiết kiệm và vốn vay (Nguyễn Tâm Ngọc, 2013). Tuy nhiên, trong điều kiện đặc thù của Nàn Sán là xã nghèo của miền núi thì những ứng phó trên là không mấy khả thi. Thực tế, chỉ có 5% số hộ có tiền tiết kiệm mà đó lại là các hộ không nghèo và 11,67% số hộ có vay vốn để đẩy nhanh thời vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tránh rét. Một ứng xử khác trong phòng tránh bước đầu đã được 38,33% số hộ dân quan tâm đó là đa dạng hóa sản xuất. Có tới 60% số hộ không nghèo, 36,36% số hộ cận nghèo và 32,14% số hộ nghèo đã thực hiện đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp của hộ mình, song chủ yếu lại tập trung vào đa dạng vật nuôi.

Bảng 9. Khắc phục, phục hồi sản xuất nông nghiệp trong và sau rét đậm, rét hại của hộ phân theo điều kiện kinh tế

Biện pháp	Hộ nghèo (n=28)		Hộ cận nghèo (n=22)		Hộ không nghèo (n=10)		Chung (n=60)	
	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)
1. Vay vốn phục hồi sản xuất sau rét	7	25,00	4	18,18	1	10,00	12	20,00
2. Tham gia lớp tập huấn	3	10,71	5	22,73	3	30,00	11	18,33
3. Được hỗ trợ trồng trọt sau rét đậm, rét hại	28	100,00	22	100,00	10	100,00	60	100,00
- Giống	28	100,00	22	100,00	10	100,00	60	100,00
- Phân bón	17	60,71	12	54,55	0	0,00	29	48,33
4. Bỏ sung kali/tro bếp tăng khả năng chống chịu rét cho cây trồng	5	17,86	7	31,82	6	60,00	18	30,00
5. Tưới đủ để giữ ẩm cho cây trồng	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6. Sử dụng màng phủ nông nghiệp	0	0,00	0	0,00	1	10,00	1	1,67
7. Hỗ trợ thiệt hại cho đại gia súc bị chết rét	2	7,14	1	4,55	0	0,00	3	5,00
8. Cho vật nuôi ăn nhiều hơn để chống đói, rét	17	60,71	15	68,18	7	70,00	39	65,00
9. Cho đại gia súc uống nước ấm pha muối	19	67,86	16	72,73	8	80,00	43	71,67
10. Làm áo cho đại gia súc	4	14,29	6	27,27	3	30,00	13	21,67
11. Đốt lửa sưởi ấm tại chuồng, nơi nhốt vật nuôi	1	3,57	3	13,64	3	30,00	7	11,67

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

Biện pháp chung để khắc phục và phục hồi sản xuất mà các hộ nông dân Nàn Sán đã tiếp cận được là: (i) Vay vốn để phục hồi sản xuất sau rét (20% số hộ) và (ii) Tập huấn (18,33% số hộ). Các hộ ngại tham gia tập huấn, học nghề do họ chưa đi học hay trình độ thấp, khó tiếp thu, ít quan tâm tới cái mới mà chỉ sản xuất theo phương thức truyền thống. Riêng với trồng trọt, 100% số hộ nông dân đã được hỗ trợ; trong đó tập trung chủ yếu vào hỗ trợ về giống và phân bón. Tuy nhiên, thực hiện các biện pháp mang tính kỹ thuật để “đối mặt” với rét đậm, rét hại lại rất hạn chế. Thực tế, chỉ có 30% số hộ biết bổ sung thêm kali hoặc tro bếp để làm tăng khả năng chống chịu rét cho cây trồng; ngoài ra, biện pháp tưới đủ/ giữ nước để giữ ẩm cho cây trồng và sử dụng màng phủ nông nghiệp trong canh tác gần như chưa được biết đến. Đối với chăn nuôi, hỗ trợ thiệt hại mới chỉ dành cho trâu bò bị chết rét. Tuy nhiên, hỗ trợ mới chỉ

dừng lại ở 1/10 giá trị thực của con trâu/bò bị chết rét. Các biện pháp kỹ thuật để “đối mặt” với rét đậm, rét hại trong chăn nuôi khá đa dạng: Trên 70% số hộ đã thực hiện pha nước muối ấm để cho trâu bò uống định kỳ, 21,67% số hộ đã làm áo cho trâu bò bằng vải bạt và nilon. Thêm vào đó là biện pháp tăng cường dinh dưỡng cho vật nuôi và đốt lửa sưởi ấm tại nơi nuôi nhốt vật nuôi cũng được thực hiện... Vì thế, chính quyền địa phương cần tổ chức phối kết hợp chặt chẽ giữa công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật và thú y trong tuyên truyền, hướng dẫn hộ nông dân các biện pháp bảo vệ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trong các đợt rét đậm, rét hại góp phần giảm thiểu thiệt hại cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất của các hộ nông dân.

3.4.3. Ứng xử trong quan hệ cộng đồng

Rét đậm, rét hại diễn ra thất thường, khó đoán trước được tình hình. Sự tương trợ, giúp đỡ

Bảng 10. Ứng xử trong quan hệ cộng đồng của hộ phân theo điều kiện kinh tế

Biện pháp	Hộ nghèo (n=28)		Hộ cận nghèo (n=22)		Hộ không nghèo (n=10)		Chung (n=60)	
	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)
1. Tuyên truyền nguy cơ rét đậm, rét hại	4	14,29	4	18,18	6	60,00	14	23,33
2. Giúp đỡ nhau trước, trong và sau rét đậm, rét hại	27	96,43	22	100,00	10	100,00	59	98,33
3. Chia sẻ thông tin về phòng chống rét đậm, rét hại	6	21,43	7	31,82	6	60,00	19	31,67

Nguồn: Phân tích kết quả điều tra, 2014

lẫn nhau trong cộng đồng là rất cần thiết và quan trọng để giảm thiểu rủi ro. Điều đó góp phần giảm nhẹ thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra ở cấp hộ cũng như cấp cộng đồng.

Ở cấp độ cộng đồng, phổ biến các hộ nông dân đã thực hiện hỗ trợ nhau trước - trong - sau rét đậm rét hại. Tham vấn sâu cán bộ cộng đồng cho thấy: Các hỗ trợ tập trung vào gia cố nhà cửa, chuồng trại, thăm nom ruộng nương, lùa trâu bò xuống núi và trông coi trâu bò... Tiếp đó là sự chia sẻ thông tin phòng chống rét và tuyên truyền nguy cơ rét đậm, rét hại ngay trong từng thôn xóm. Từ đó các hộ hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau, góp phần giảm nhẹ thiệt hại do rét gây ra. Như vậy, thực hiện các hình thức tuyên truyền thông tin, cũng như việc mở thêm các buổi chia sẻ kinh nghiệm giữa các hộ để nâng cao tính cộng đồng và kinh nghiệm phòng chống rét đậm, rét hại là cần thiết.

3.5. Yếu tố ảnh hưởng tới ứng xử của hộ nông dân với rét đậm, rét hại

Ứng xử của hộ nông dân Nàn Sán với rét đậm, rét hại bị ảnh hưởng bởi: (i) Trình độ và nhận thức về rét đậm, rét hại; (ii) Nguồn lực của hộ nông dân; (iii) Phong tục tập quán của hộ; Và (iv) Hỗ trợ từ Nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng dành cho hộ. Yếu tố dân tộc có liên quan chặt chẽ tới ứng xử của hộ. Thiệt hại trong năm 2013 của hộ H'mông lên ngưỡng 10 triệu đồng/hộ, còn hộ người Thu Lao và Nùng là dưới 8 triệu đồng/hộ (Thèn Văn Trai, 2014). Rõ ràng, các ứng xử của hộ nông dân với rét đậm rét hại vẫn chưa thực sự hiệu quả. Vì thế, hướng dẫn

cách phòng tránh và khắc phục rủi ro từ rét đậm rét hại nên được đặc biệt ưu tiên.

3.6. Giải pháp nâng cao khả năng ứng xử của hộ nông dân miền núi phía Bắc với rét đậm, rét hại

Dựa trên chiến lược chung về quản lý thiên tai: (i) Giảm tổn thất về người và sinh mạng; (ii) Giảm sự ngừng trệ về sản xuất, nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân; (iii) Giảm thiệt hại của cải vật chất của xã hội; (iv) Giảm nguy cơ gia tăng mức độ rét đậm, rét hại. Đồng thời, căn cứ vào thực trạng ở Nàn Sán để đề xuất giải pháp theo hướng: Nâng cao năng lực ứng xử với rét đậm, rét hại của hộ; Nghiên cứu, dự báo và tổ chức phòng chống rét đậm, rét hại; Đầu tư xây dựng các công trình phòng chống rét đậm, rét hại. Từ đó, giải pháp nâng cao khả năng ứng xử của các hộ nông dân miền núi phía Bắc với rét đậm, rét hại được cụ thể hóa như sau:

3.6.1. Giải pháp ngắn hạn

Nâng cao nhận thức của các hộ nông dân về rét đậm, rét hại: Tận dụng hệ thống truyền hình, truyền thanh địa phương và huy động cán bộ thông tin kịp thời cho người dân khi có rét đậm, rét hại. Tập huấn, phát tài liệu tuyên truyền phòng tránh rét và chia sẻ kinh nghiệm ứng xử với rét đậm, rét hại. Đẩy mạnh các hoạt động cộng đồng với mục đích giảm bớt rủi ro tại cấp cộng đồng thông qua giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương và tăng năng lực của người dân.

Bảo vệ tính mạng và tài sản: Hỗ trợ vay vốn, kiên cố hóa nhà cửa. Tuyên truyền và hỗ

trợ người dân mua dự trữ các phương tiện chống rét như: chăn, quần áo ấm, quần áo mưa, bạt, nilon, củi, muối... Vận động các nguồn viện trợ từ thiện bên ngoài. Hướng dẫn cách phòng chống rét trên người và dự phòng thuốc như: uống nước ấm, ăn bổ sung gừng tỏi, giữ ấm tay chân, mặc nhiều lớp áo quần và đi ra ngoài nên mặc áo mưa hoặc khoác vải nilon

Bảo vệ sản xuất: Trong trồng trọt, tổ chức tập huấn, chuyển giao các loại giống chống chịu rét, giới thiệu các mô hình sản xuất tránh rét và chống rét. Hướng dẫn kỹ thuật canh tác chống rét như: Tăng kali, giảm đạm; Tuổi giữ đủ ẩm cho cây trồng; Dùng màng phủ nông nghiệp Đặc biệt, khi thời tiết ấm trở lại, cần tập trung chăm sóc để cây trồng nhanh chóng phục hồi. Trong chăn nuôi, tuyên truyền và hỗ trợ người dân kiên cố chuồng trại phòng tránh rét. Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi chống rét: Giữ vệ sinh và khô nền chuồng; Tránh hướng gió lùa; Tạo nguồn nhiệt sưởi ấm (đốt trấu, củi) và tuyệt đối không để vật nuôi bị đói. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ vật nuôi, đề phòng dịch bệnh xảy ra, có biện pháp xử lý kịp thời. Đối với trâu bò, làm “áo khoác” giữ ấm, nhốt tại chuồng, không chăn thả tự do, cho nghỉ làm việc trong những đợt rét và đặc biệt cho uống thêm nước ấm pha muối định kỳ để tăng sức chống chịu rét.

Trong quan hệ cộng đồng: Khuyến khích người dân thực hiện các hoạt động ứng phó cộng đồng cả trước, trong và sau rét đậm, rét hại với phương châm “lá rách ít đùm lá rách nhiều”. Phát huy tinh thần tham gia tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại nặng do rét đậm, rét hại gây ra.

3.6.2. Giải pháp dài hạn

Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác dự báo rét đậm, rét hại: Rà soát và cải tiến công tác dự báo, cảnh báo, cập nhật, hoàn thiện hệ thống thông tin về thời tiết. Củng cố mạng lưới thông tin, liên tục thông báo tin tức về rét đậm, rét hại đến người dân, đảm bảo quá trình truyền tải không bị gián đoạn. Cán bộ địa phương phải được tập huấn về các kỹ năng phòng chống rét. Tăng cường liên hệ mật thiết với cộng đồng để hỗ trợ kịp thời cho người dân những vùng bị rét

đậm, rét hại. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng phòng chống rét đậm, rét hại: Kiên cố hóa các nhà cộng đồng để làm điểm tránh rét cho người dân. Tập trung xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp và hệ thống giao thông để người dân có khả năng mở rộng các loại hình sinh kế, đa dạng nguồn thu nhập. Cuối cùng là hoàn thiện cơ chế chính sách phòng chống rét đậm, rét hại.

4. KẾT LUẬN

Rét đậm, rét hại là một hiện tượng thời tiết cực đoan, thường xuyên xảy ra ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Tuy rét đậm rét hại chưa trực tiếp gây ra thiệt hại tới tính mạng con người nhưng lại là nguyên nhân dẫn tới thương tích và ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân, đặc biệt là người già và trẻ nhỏ. Trong sản xuất nông nghiệp, hiện tượng vật nuôi bị chết hàng loạt và nhiều diện tích gieo trồng bị mất trắng diễn ra khá phổ biến trong những đợt rét đậm, rét hại kéo dài.

Nhận thức của hộ nông dân về rét đậm, rét hại cũng như tác hại của nó còn rất hạn chế và có ảnh hưởng tới ứng xử của hộ trong phòng tránh, đối phó và khắc phục rủi ro do rét đậm rét hại. Trong bảo vệ tính mạng và tài sản, các ứng xử của hộ nông dân tập trung vào khai thác tối đa nguồn nhân lực của hộ và tối thiểu hóa chi tiêu. Các biện pháp phổ biến được các hộ ứng dụng và đánh giá là rất hữu ích đó là: Tích trữ củi, lá cọ, than hoa, rơm rạ, mua muối, mì chính, quần áo mưa, nilon và bạt. Với trồng trọt, ứng xử chủ yếu của các hộ nông dân là thay đổi thời vụ gieo trồng hơn là thay đổi giống, hệ thống cây trồng; Thêm vào đó, 30% số hộ cũng đã áp dụng biện pháp bổ sung kali hay tro bếp để tăng khả năng chống rét cho cây trồng. Với chăn nuôi, trên 50% hộ nông dân đã thực hiện dự trữ thức ăn chăn nuôi, che chắn và gia cố chuồng trại; Thực hiện đưa trâu bò xuống vùng thấp để tránh rét chưa thực sự phổ biến. Bên cạnh đó, các biện pháp như tăng khẩu phần ăn, cho uống nước ấm pha muối, đốt lửa sưởi ấm cũng đã được một số hộ ứng dụng. Công tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trước, trong và sau rét đã được các hộ thực hiện.

Để nâng cao khả năng ứng xử của hộ nông dân với rét đậm rét hại cần tập trung vào: Nâng cao nhận thức của người dân về rét đậm, rét hại; Hỗ trợ kiên cố hóa nhà cửa và các vật dụng phòng chống rét; Tập huấn cách phòng chống rét trên người, cây trồng và vật nuôi; Phát huy tinh thần cộng đồng của các hộ trước, trong và sau rét đậm, rét hại với phương châm “lá rách ít đùm lá rách nhiều”. Trong dài hạn cần: Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác dự báo, cảnh báo, cập nhật, hoàn thiện hệ thống thông tin về thời tiết; Kiên cố hóa các nhà cộng đồng để làm điểm tránh rét cho người dân. Tập trung xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện rét đậm rét hại; Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách phòng chống rét đậm, rét hại.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo này là kết quả nghiên cứu được hỗ trợ thực hiện bởi đề tài “Nghiên cứu khả năng ứng phó của người nghèo nông thôn trước tác động của rủi ro thiên tai và biến động kinh tế - xã hội”, mã số KX.02.10/11-15. Tập thể tác giả bài báo xin chân thành cảm ơn chương trình “Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020”,

đề tài KX.02.10/11-15 đã giúp đỡ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội năm 2011-2013 xã Nàn Sán, Si Ma Cai, Lào Cai.
- Báo cáo tình hình thiên tai năm 2011-2013 huyện Si Ma Cai, Lào Cai.
- Văn Duẩn, Ngọc Dung (2013). Thiệt hại nặng vì rét. Truy cập ngày 15/03/2014 tại <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/thiet-hai-nang-vi-ret-20131220222436256.htm>.
- Vũ Thanh Hằng, Phạm Thị Lê Hằng, Phan Văn Tân (2010). Dao động và biến đổi của hiện tượng rét đậm, rét hại ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 26(3S): 334-343.
- Nguyễn Tâm Ngọc (2013). Nâng cao khả năng ứng xử của các hộ nông dân đối với lũ ống và lũ quét trên địa bàn huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Luận văn thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Thèn Văn Trai (2014). Nghiên cứu ứng xử của hộ nông dân đối với rét đậm, rét hại trên địa bàn xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Phương Trang (2013). Một số bệnh dễ mắc vào mùa lạnh. Truy cập ngày 24/03/2014 tại <http://doisong.vnexpress.net/tin-tuc/suc-khoe/mot-so-benh-de-mac-vao-mua-lanh-2914383.html>.